

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1123/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1989

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990

Cùng trú tại: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

(Bà T, ông L vắng mặt; bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T trình bày:*

Bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh L kết hôn với nhau từ năm 2015, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L nghiện ma túy, đi cải tạo nhiều lần vẫn không thay đổi, ngoài ra bà T và ông L còn thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà T và ông L đã không còn sống chung và đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phúc K, sinh ngày 20/3/2015. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông L không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:*

#### 1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### 2. Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thanh L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Thanh L có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Triều, ông Lâm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh L kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà T để xác định, trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L nghiện ma túy, đã nhiều lần đi cai nghiện nhưng không từ bỏ được từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ nhưng ông L không đến. Điều này cho thấy rằng ông L đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Từ những nhận định trên, đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, cho ly hôn giữa bà T và ông L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trần Phúc K, sinh ngày 20/3/2015. Xét cháu K còn nhỏ, hiện đang sống với bà T. Quá trình giải quyết vụ án ông L không có ý kiến gì về người trực tiếp nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Do đó việc giao con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của con chung đồng thời tạo điều kiện để cháu được sinh sống ổn định.

[2.3] Tòa án đã giải thích pháp luật về việc người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà T vẫn không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác bà T có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Nguyễn Thanh L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Phúc K, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trần Thị Mỹ T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục... Tạm thời ông L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ông Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết bà T, ông L được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con...

3. Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0054141 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND P. Thới Hòa, TX. Bến Cát, T. Dương (số 29; ngày 20/3/2015);
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**